TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HS-PT
Ngày: 12-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông; Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Phan Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2024/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Phan Thị N, sinh năm: 1960; tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 05/12; con ông Phan Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị A (đã chết); chồng: Huỳnh Văn B (đã chết); bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm: 1980, nhỏ sinh năm: 1983; tiền án: Tại Bản án số 42/2022/HS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 20/7/2022 về "Tội đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Văn H nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 07/7/2023, Nguyễn Ngọc T, Lê Xuân H1, Lê Văn S tổ chức uống rượu tại nhà ông Lê Long X thuộc ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Khi uống rượu được một lúc thì T, H1, S thống nhất cùng chơi đánh bài. Ông X không tham gia nhưng cung cấp bài tây và đồng ý cho T, H1, S chơi đánh bài tại khu vực hành lang của nhà mình. T, H1, S bắt đầu chơi bài "xập xám" được ăn thua bằng tiền, tiền cược mỗi ván ở mỗi tụ bài là 25.000 đồng; người nào chơi thắng hay thua 02 ván liên tiếp thì được thắng hay thua tổng số tiền 50.000 đồng, còn trong 02 ván nếu 01 ván thắng, 01 ván thua thì sẽ hoà tiền, mỗi người làm cái 02 ván rồi đến người tiếp theo. Các tụ bài còn lại sẽ binh bài với tụ làm cái và có quy ước nếu tụ bài làm cái thắng tất cả các tụ bài còn lại thì sẽ cho ông X 20.000 đồng "tiền xâu". Bộ bài 52 lá nhưng có 03 người chơi, mỗi người được chia 13 lá bài, bỏ trống một tụ bài. Chơi được khoảng 06 ván thì Lê Văn H đến chơi tụ bài còn lại. Khoảng 10 phút sau, Phan Thị N đến nhà ông X để mua rau nhưng không có vợ ông X ở nhà nên N có đưa trước cho ông X 20.000 đồng là tiền mua rau. Lúc này, Lê Văn H đã chơi thua 50.000 đồng thì nghỉ không chơi tiếp nên Phan Thị N vào chơi thay tụ bài của H, chơi được 02 ván thì lực lượng Công an xã S đến kiểm tra và bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ Thu giữ của Phan Thị N: một điện thoại di động hiệu Samsung A02S; một xe mô tô biển số 71F9-6826; Tiền Việt Nam 200.000 đồng trên chiếu bạc và 60.000 đồng thu giữ trong người không dùng đánh bạc.

+ Thu giữ của Lê Văn S: Tiền Việt Nam 2.100.000 đồng trên chiếu bạc, một điện thoại di động hiệu Nokia 150, một xe gắn máy biển số 71AA-113.62.

+ Thu giữ của Nguyễn Ngọc T: Tiền Việt Nam 3.450.000 đồng, trong đó 450.000 đồng trên chiếu bạc và 3.000.000 đồng thu giữ trong người không dùng đánh bạc; một xe gắn máy biển số 71AA-121.73.

+ Thu giữ của Lê Xuân H1: Tiền Việt Nam 400.000 đồng trên chiếu bạc, một điện thoại di động hiệu Nokia 105, một xe mô tô biển số 71K6-6749.

+ Thu giữ của Lê Long X: Tiền Việt Nam 20.000 đồng là tiền do Phan Thị N trả tiền mua rau và 04 bộ bài tây.

+ Thu giữ của Lê Văn H: Tiền Việt Nam 100.000 đồng dùng để đánh bạc.

Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 3.250.000 đồng, trong đó 3.150.000 đồng trên chiếu bạc và 100.000 đồng của Lê Văn H dùng để đánh bạc.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tạm giữ vật chứng thu giữ của các bị cáo N và H cùng 04 bộ bài tây. Đối với vật chứng thu giữ của Lê Văn S, Nguyễn Ngọc T, Lê Xuân H1, Lê Long X, Công an xã S đã chuyển cho Ủy ban nhân dân xã S lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2024/HS-ST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Phan Thị N phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thị N 08 (tám) tháng tù. Tổng hợp hình

phạt 06 (Sáu) tháng tù về "Tội đánh bạc", tại bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2022/HS-ST, ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo Phan Thị N chấp hành hình phạt chung là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự của bị cáo Lê Văn H, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/01/2024, bị cáo Phan Thị N kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thị N 08 (tám) tháng tù về "Tội đánh bạc". Tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) tháng tù về "Tội đánh bạc", tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2022/HS-ST, ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo Phan Thị N chấp hành hình phạt chung là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phan Thị N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: Vào ngày 07/7/2023, tại nhà ông Lê Long X thuộc ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, lực lượng Công an xã S phát hiện, bắt quả tang Phan Thị N, Lê Văn H có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài xập xám cùng với Lê Văn S, Nguyễn Ngọc T, Lê Xuân H1. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 3.250.000 đồng.

Mặc dù tổng số tiền bị cáo N và các đối tượng đưa vào đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, nhưng bản thân bị cáo N đã bị kết án về "Tội đánh bạc" chưa được

xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc trái phép. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm "Tội đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 08 (tám) tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Hơn nữa, bị cáo đã bị Tòa án kết án về "Tội đánh bạc" đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo lại tiếp tục phạm "Tội đánh bạc". Điều đó cho thấy bị cáo là người khó cải tạo, giáo dục nên cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm xâm phạm trật tự công cộng đang có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt hoặc hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo 08 tháng tù là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thị N 8 (tám) tháng tù về "Tội đánh bạc".

Tổng hợp hình phạt 6 (sáu) tháng tù về "Tội đánh bạc", tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2022/HS-ST, ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo Phan Thị N chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 2 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 12 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Phan Thị N được miễn.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự của bị cáo Lê Văn H xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành(3b);
- Công an và VKSND huyện Châu Thành(2b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã Tân Phú, huyện Châu Thành(1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Sơn